

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/DS - ST
Ngày: 08 - 02 - 2021.
*V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đẹp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiểu.

2. Ông Lại Thiện Phong.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thái Kim Phương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên

Trong ngày 08 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 156/2020/TLST – DS, ngày 27 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST – DS, ngày 06 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông **Trần Quốc K**, sinh năm 1956 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

*** Đồng bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Bà **Nông Thị M**, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai nguyên đơn ông Trần Quốc K trình bày:

Do chỗ quen biết với nhau, do nhu cầu vốn để mua xe ủi, sang lắp mặt bằng nên ông Nguyễn Văn T và bà Nông Thị M có hỏi vay tiền của tôi các lần như

sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 29/5/2017 ông T, bà M vay số tiền 100.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào ngày 26/9/2017 ông T, bà M vay số tiền 100.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào ngày 18/12/2017 ông T, bà M vay số tiền 70.000.000 đồng.

Khi vay hai bên có làm hợp đồng vay lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng. Từ khi vay đến nay ông T, bà M trả cho ông được 20.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 1.000.000 đồng.

Vào ngày 06/6/2019 ông K với ông T có làm biên nhận để xác định lại số tiền thiếu và cách thức trả nợ và ông T ghi biên nhận là còn thiếu 250.000.000 đồng và hứa sẽ trả cho ông K trong vòng 03 tháng, nếu không trả sẽ thế chấp nhà và đất cho ông để trừ nợ. Nhưng đến nay ông T không trả tiền và cũng không giao nhà và đất cho ông như cam kết.

Nay ông Trần Quốc K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nông Thị M trả cho ông số tiền gốc 250.000.000 đồng tiền vay và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 06/6/2019 đến khi xét xử. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông K xác định vào ngày 07 tháng 01 năm 2021 thì ông T, bà M có trả cho ông 28.000.000 đồng tiền lãi nên ông yêu cầu Tòa án trừ lại số tiền này còn lại bao nhiêu thì buộc ông T, bà M có nghĩa vụ trả lại cho ông.

Bị đơn bà Nông Thị M trình bày: Chồng bà có vay tiền của ông K, khi vay thì chỉ có chồng bà vay chứ không có mặt bà, số tiền vay bao nhiêu bà không được rõ, nhưng bà nghe chồng bà nói lại là vay nhiều lần nhưng đã trả dần, đến thời điểm này chỉ còn thiếu khoảng 100.000.000 đồng chứ không phải là 250.000.000 đồng như lời trình bày của ông K, khi vay thì chồng bà ký thay bà chứ bà không có ký, vay tiền để mua xe cuộc đi mức đất thuê cho người ta kiếm tiền tiêu xài trong gia đình. Bà chỉ đồng ý trả số tiền khoảng 100.000.000 đồng cho ông K.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nông Thị M vắng mặt không có lý do.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Kiểm sát viên đã nhận định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc K.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nông Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Quốc K tổng số tiền 305.617.800 đồng.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nông Thị M có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 15.280.890 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Trần Quốc K khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nông Thị M phải trả nợ vay. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự (hợp đồng vay tài sản). Đồng thời, đồng bị đơn có nơi cư trú tại ấp K, xã L, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nông Thị M vắng mặt không có lý do. Mặt dù, được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Quốc K yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nông Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền vay 250.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 06/6/2019 đến ngày xét xử nhưng được trừ vào số tiền đóng lãi 28.000.000 đồng. Nhận thấy:

Giữa ông Trần Quốc K và ông Nguyễn Văn T do có quen biết nhau và ông T cần vốn để mua xe cuộc nên có vay tiền của ông Trần Quốc K 03 đợt

Lần thứ nhất: Vào ngày 29/5/2017 ông T, bà M vay số tiền 100.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào ngày 26/9/2017 ông T, bà M vay số tiền 100.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào ngày 18/12/2017 ông T, bà M vay số tiền 70.000.000 đồng.

Khi vay hai bên có làm hợp đồng vay lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng. Từ khi vay đến nay ông T, bà M trả cho ông được 20.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 1.000.000 đồng. Ngày 06 tháng 6 năm 2019 hai bên thống nhất chốt lại nợ là ông T, bà M còn thiếu là 250.000.000 đồng.

Nay ông K yêu cầu ông T và bà M trả số tiền 250.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 06/6/2019 đến nay và được trừ số tiền lãi mà ông T, bà M trả là 28.000.000 đồng.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay thì ông T không có mặt ở địa phương và vợ ông T là bà M có nhận thay các giấy tờ có liên quan đến ông T và cũng không có cung cấp bản khai cho Tòa án, Tòa án cũng không ghi được lời khai của ông T. còn bà Nông Thị M là vợ ông T thừa nhận ông T có vay tiền của ông K nhiều lần nhưng đã trả dần cho ông K, hiện tại còn thiếu khoảng 100.000.000 đồng. Do đó, việc ông T có vay tiền của ông Trần Quốc K là có xảy ra.

Việc bà Nông Thị M cho rằng ông T có vay tiền của ông K nhiều lần mà không biết bao nhiêu, bà M xác định đã trả dần cho ông K chỉ còn thiếu khoảng 100.000.000 đồng nhưng bà M không có gì để chứng minh cho việc có trả tiền cho ông K. Tuy nhiên, ông Trần Quốc K chỉ thừa nhận ông T có trả cho ông số tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi 1.000.000 đồng, đến ngày 06/6/2019 ông T đã viết biên nhận chốt lại số nợ còn thiếu ông K là 250.000.000 đồng. Hơn nữa bà Nông Thị M cho rằng việc vay tiền thì chỉ có ông T trực tiếp vay với ông K chứ bà không có mặt cùng đi với ông T nhưng bà thừa nhận việc vay tiền trên với mục đích là để mua xe cuộc đi mướn đất thuê cho người khác để có tiền tiêu xài trong gia đình nên bà M phải có trách nhiệm cùng trả nợ với ông T số tiền vay 250.000.000 đồng.

Đối với phần yêu cầu tính lãi suất: Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì tại Điều 2 của Nghị quyết này có hướng dẫn đối với hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng được xác lập trước ngày 01/01/2017 (ngày Bộ luật dân sự năm 2015 bắt đầu có hiệu lực) thì đối với hợp đồng đang được thực hiện mà lãi, lãi suất không phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005. Đối với hợp đồng vay giữa ông K và ông T, thấy rằng lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng vay là 03%/tháng (tương đương 36%/năm) đã vượt quá lãi suất tối đa mà Bộ luật dân sự 2015 cho phép là 20%/năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 quy định Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.

Từ ngày 06/6/2019 đến ngày xét xử là ngày 08/02/2021 là 20 tháng 02 ngày

do đó : $250.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% / \text{tháng} \times 20 \text{ tháng} = 83.617.800 \text{ đồng}$. Tổng số tiền mà ông T, bà M phải có nghĩa vụ trả cho ông K cả gốc và lãi là 333.617.800 đồng nhưng do ông T đã trả cho ông K số tiền là 28.000.000 đồng nên ông T và bà M còn có nghĩa vụ trả tiếp là 305.617.800 đồng.

Do đó, buộc ông T, bà M có trách nhiệm liên đới trả cho ông K tổng số tiền là 305.617.800 đồng (Trong đó gốc là 250.000.000 đồng, lãi phát sinh là 55.617.800 đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông T, bà M có trách nhiệm liên đới phải nộp là 15.280.890 đồng ($305.617.800 \text{ đồng} \times 5\% = 15.280.890 \text{ đồng}$).

Ông Trần Quốc K không phải chịu tiền án phí.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc K.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nông Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Quốc K số tiền vay 305.617.800 đồng (Ba trăm lẻ năm triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, tám trăm đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án cn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015”.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nông Thị M có nghĩa vụ liên đới nộp 15.280.890 đồng (Mười lăm triệu, hai trăm, tám chục nghìn, tám trăm chín chục đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- CCTHADS huyện Hồng Dân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

LÊ VĂN ĐẸP